TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH A** **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 28 – 6 – 2019
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH A, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Hường
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Út
2. Ông Võ Văn Thành
- Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Vũ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang *tham gia phiên toà:* Bà Phạm Thị Lan Vân - Kiểm sát viên.
Ngày 28 tháng 6 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 127/2019/TL.ST-HNGĐ, ngày 19 tháng 4 năm 2019 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2019/QĐXX-ST ngày 12 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:
1. Nguyên đơn: Bà Đặng Thị H (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp T, xã Tr, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.
2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp T, xã Trường L, huyện Châu Thành A, tỉnh Hậu Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Đặng Thị H trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn N tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào năm 2011. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn trong cuộc sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng ông không còn sống chung với nhau khoảng 02 năm. Bà H xác định không thể tiếp tục duy trì được quan hệ hôn nhân nên yêu cầu ly hôn với ông Nâu. Về con chung: Bà H và ông Ncó 01 con chung tên Nguyễn Văn Tỷ (nam), sinh ngày 16/3/2008. Cháu Tỷ hiện đang sống với bà H. Bà H yêu cầu được nuôi cháu Tỷ và không yêu cầu ông Ncấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng tại Tòa án, ông Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt nên chưa ghi nhận được ý kiến.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Xác định việc thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ cũng như

thủ tục tố tụng tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Về nội dung giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 51; Điều 56, Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn Nâu; về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn Tỷ (nam), sinh ngày 16/3/2008 cho bà H nuôi dưỡng, ông N chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng; về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Đặng Thị H khởi kiện ông Nguyễn Văn N yêu cầu được ly hôn và nuôi con chung nên xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn và nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt và nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn, nguyên đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Giữa bà Hương, ông N xác lập quan hệ hôn nhân hợp pháp trên cơ sở giấy đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa bà Hương, ông N phát sinh mâu thuẫn. Bà H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn trong cuộc sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Bà Hương, ông N hiện đã không còn chung sống với nhau 04 năm. Bà H xác định không còn tình cảm, không thể hàn gắn với ông N nên cương quyết ly hôn. Quá trình tố tụng, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông N để động viên hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông N không đến Tòa án. Từ những chứng cứ nêu trên cho thấy, mâu thuẫn giữa bà Hương, ông N là trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Hương.

[4] Về con chung: Xét yêu cầu nuôi con chung của bà Hương, Hội đồng xét xử xét thấy: Cháu Tỷ từ nhỏ đã sống chung với gia đình bà Hương, sau khi vợ chồng không còn sống chung thì cháu Tỷ do bà H trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Tỷ cũng có nguyện vọng được sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Hiện tại chưa ghi nhận được ý kiến của ông N về yêu cầu nuôi con chung. Do đó, nhằm ổn định cuộc sống và điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng đối với con chung nên giao cháu Tỷ cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng đến khi thành niên. Bà H chưa có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên ông N chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng. Ông N có quyền thăm nom, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu giải quyết. Nếu sau này giữa bà Hương, ông N phát sinh tranh chấp các đương sự có quyền khởi kiện thành vụ án khác.

[6] Từ những tình tiết, chứng cứ nêu trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận.

[7] Về án phí: Bà H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147; Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn Nâu.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn Tỷ (nam), sinh ngày 16/3/2008 cho bà Đặng Thị H nuôi dưỡng đến khi thành niên, ông Nguyễn Văn N chưa có nghĩa vụ cấp dưỡng. Ông N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết, nếu sau này phát sinh tranh chấp đương sự có quyền khởi kiện thành vụ kiện khác.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đặng Thị H phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai số 0018833 ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành A thành tiền án phí dân sự sơ thẩm (bà H đã nộp xong).

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- CQ THA DS h.Châu Thành A;
- VKSND h.Châu Thành A;
- UBND xã Trường Long Tây;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Hường